

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6 - HUNG YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2026/DS-ST

Ngày: 26/6/2026

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - HUNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Thị Thanh Xuân

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đỗ Thị Hiên và bà Nguyễn Thị Như Trang

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Bình -Thư ký Tòa án nhân khu vực 6 - Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6- Hưng Yên tham gia phiên tòa: bà Phí Thị Huệ- Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 6 - Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 55/2026/TLST- DS ngày 16 tháng 4 năm 2026 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2026/QĐXXST- DS ngày 02 tháng 6 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Ngô Văn S, sinh năm 1974,

Bà Triệu Thị L, sinh năm 1980,

Địa chỉ: thôn N, xã B, tỉnh Hưng Yên.

- Bị đơn: Ông Phan Văn X, sinh năm 1956;

Địa chỉ: thôn N, xã B, tỉnh Hưng Yên

(Nguyên đơn và bị đơn có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn trình bày:**

Do có quan hệ quen biết từ trước nên bà L, ông S cho ông X vay 01 dây chuyền vàng 08 chỉ và 02 chỉ vàng, loại vàng 9999 vào ngày 17/7/2017, thỏa thuận ngày 22/12 (âm lịch) 2017 trả vàng. Đến hạn bà L yêu cầu ông X trả vàng nhưng ông X không trả vàng mà chỉ trả lãi với tổng số tiền 9.350.000đồng. Sau

khi bà L có đơn đề nghị Công an xã B giải quyết số vàng ông X đã vay thì ngày 26/01/2025, ông X trả bà L 01 chỉ vàng 9999. Bà L đã nhiều lần yêu cầu ông X trả vàng nhưng ông X không trả. Do đó, bà L, ông X khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông X trả vợ chồng ông bà 09 chỉ vàng, loại 9999.

* Bị đơn - ông X trình bày: Ông X thừa nhận ngày 19/7/2017 (âm lịch) vay 10 chỉ vàng loại 9999 của ông S, bà L. Khi vay có thoả thuận lãi 550.000đồng/tháng. Giấy vay vàng ngày 19/7/2017 là do ông X viết. Ông X đã trả lãi theo thoả thuận cho bà L trong thời gian 04 năm. Sau đó do bị bệnh dịch tả lợn Châu P, việc chăn nuôi của ông X bị ảnh hưởng nên không thể trả lãi cho bà L. Việc trả lãi và thoả thuận lãi có lập giấy tờ. Ông X đã trả cho bà L 01 chỉ vàng 9999, do đó ông X còn nợ bà L, ông S 09 chỉ vàng 9999. Ông X đề nghị được trả dần mỗi năm 01 chỉ vàng, nếu có điều kiện thì trả thêm 01 hoặc 02 chỉ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Hưng Yên phát biểu quan điểm:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng pháp luật trong quá trình tham gia tố tụng. quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 280, 463, 466 Bộ luật dân sự, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L, ông S đối với ông X:

- Buộc ông X trả cho bà L, ông S 09 chỉ vàng 9999.
- Bà L, ông S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ông X có đơn đề nghị miễn án phí, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử miễn án phí cho ông X.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Bà L, ông S khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông X trả 09 chỉ vàng 9999 theo giấy biên nhận ngày 19/7/2017 (âm lịch) nên quan hệ pháp luật được xác định là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Ông X có hộ khẩu thường trú tại xã B, tỉnh Hưng Yên nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Hưng Yên là đúng với quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ nên Viện kiểm sát nhân khu vực 6 - Hưng Yên tham gia phiên tòa là đúng với quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy:

[3.1] Quá trình giải quyết vụ án, bà L, ông S xuất trình bản gốc giấy biên nhận với nội dung: “ Hôm nay ngày 19/7 âm lịch, tôi Phan Văn X có vay của vợ chồng cô chú Sáu 1 (Một) cây vàng. Hẹn đến ngày 22/12 (âm lịch) 2017 đáo hạn”. Ông X thừa nhận có vay 10 chỉ vàng (loại vàng 9999) của ông S, bà L và là người trực tiếp viết, ký giấy biên nhận ngày 19/7/2017 cho bà L, ông S. Theo giấy biên nhận thì ông X vay 01 cây vàng tương đương 10 chỉ vàng của bà L, ông S. Hội đồng xét xử xác định ông X có vay của bà L, ông S 10 chỉ vàng 9999. Văn bản thỏa thuận ngày 19/7/2017 (âm lịch) giữa bà L, ông S với ông X là Hợp đồng vay tài sản. Ngày 26/01/2025, ông X đã trả 01 chỉ vàng 9999 do đó ông X còn nợ bà L, ông S 09 chỉ vàng 9999. Theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 về thực hiện hợp đồng vay thì “Tài sản vay là vật thì phải trả vật cùng loại”. Bà L, ông S đã nhiều yêu cầu ông X trả 09 chỉ vàng đã vay nhưng đến nay ông X vẫn không trả số vàng trên cho bà L, ông S. Ông X đề nghị được trả dần mỗi năm 01 chỉ vàng cho bà L, ông S nhưng ông S, bà L không đồng ý.

[3.2] Ông X trình bày hàng tháng vẫn trả lãi 550.000 đồng trong 04 năm cho bà L, sau đó do kinh tế khó khăn nên không trả lãi cho bà L, ông S nhưng không cung cấp được tài liệu chứng minh. Bà L trình bày ông X có trả lãi với tổng số tiền 9.350.000 đồng. Số tiền lãi ông X trả cho bà L đã thực hiện xong trên thực tế, các bên đương sự không yêu cầu hoàn trả hoặc khấu trừ nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 24, Điều 26 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Bị đơn là người cao tuổi có đơn đề nghị miễn án phí nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 280, 463, khoản 1, khoản 2 Điều 466 Bộ luật dân sự 2015; các Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 24, Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Triệu Thị L, ông Ngô Văn S đối với ông Phan Văn X

2. Buộc ông Phan Văn X có nghĩa vụ trả cho bà Triệu Thị L, ông Ngô Văn S 09 chỉ vàng 9999.

3. Về án phí:

Bà Triệu Thị L, ông Ngô Văn S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho bà L, ông S 3.500.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm bà L đã nộp theo biên lai số 0001933 ngày 15/4/2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên.

Ông Phan Văn X được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bà Triệu Thị L, ông Ngô Văn S và ông Phan Văn X có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Nơi nhận:

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

- VKSND cùng cấp;
- THADS tỉnh Hưng Yên;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, vp.

Lê Thị Thanh Xuân

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà

Lê Thị Thanh Xuân

